

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số:16/2022/DSST

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

(V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử bao gồm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Thế - Bà Đồng Thị Lý .

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 39/2022/TLST-DS ngày 07/4/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:187/2012/QĐXX-ST ngày 12/7/2022.

Giữa:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn 7, Cầu B, xã D, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

-Bị đơn: Bà Thái Thị T, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: xóm 12, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Hữu M và bà Thái Thị T có mối quan hệ là người đi bán bảo hiểm với nhau. Ngày 12/01/2018 thì bà T vay của ông M số tiền gốc 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày 12/01/2018, lãi suất theo thỏa thuận. Sau năm ngày ông M đến hỏi nợ bà T nhiều lần, nhưng bà T không chịu trả cả gốc và lãi. Quá trình hỏi nợ do không có tiền trả bà T đưa cho ông M 01 can mật ong 25 lít và 01 chiếc xe máy không có giấy tờ để trừ nợ nhưng ông M không đồng ý. Ngày 15/8/2019 thì bà T trả cho ông M số tiền gốc là 15.000.000 đồng. Sau ngày 15/8/2019 thì ông M tiếp tục hỏi nợ số tiền gốc còn lại 15.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc 15.000.000 đồng tại bà T nhiều lần nhưng bà T không chịu thanh toán trả. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông M yêu cầu Tòa án buộc bà T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi của số tiền gốc 30.000.000 đồng tính từ lúc vay ngày 12/01/2018 đến ngày 15/8/2019 (19 tháng) với lãi suất 10% năm: 12 tháng x 30.000.000 đồng x 19 tháng = 4.750.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền gốc còn lại 15.000.000 đ tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/6/2022 (34 tháng) với lãi suất 10% năm: $12 \text{ tháng} \times 15.000.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ tháng} = 4.250.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền ông M yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông tổng số tiền là 24.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 9.000.000 đồng.

Bà Thái Thị T thừa nhận ngày 12/01/2018 bà có vay ông M số tiền gốc 30.000.000 đ, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay là 5 ngày. Sau đó ông M đến nhà bà hỏi nợ nhiều lần. Do không có tiền mặt để trả nợ cho ông M đầy đủ, mới trả được cho ông M số tiền 5.000.000 đ, số tiền còn lại bà sẽ thanh toán cho ông bằng 25 lít mật ong và 01 chiếc xe máy không giấy để trừ nợ nhưng ông M không đồng ý. Tính đến ngày 15/8/2019 bà đã trả cho ông M 15.000.000 đồng tiền gốc. Đối với số gốc còn lại là 15.000.000 đ và tiền lãi của số tiền 30.000.000 đ bà T đã thanh toán đầy đủ cho ông M, thậm chí còn thừa với số tiền là 46.200.000 đồng. Việc thanh toán số tiền này cho ông M được bà T trả cho ông M thành nhiều đợt, lần thì chuyển khoản, lần thì trả tiền tận tay, lần thì gửi xe buýt. Mỗi lần thanh toán tiền cho ông M thì bà T ghi vào sổ cá nhân của mình theo dõi. Nay ông M yêu cầu bà tiếp tục thanh toán cho ông M số tiền gốc 15.000.000 đ và tiền lãi suất 9.000.000 đ bà không nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào giấy vay nợ, giấy hẹn trả nợ của bà Thái Thị T đối với ông Nguyễn Hữu M và sự thống nhất của ông M, bà T trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa có cơ sở khẳng định: Ngày 12/01/2018 bà T đã vay của ông M số tiền gốc 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày 12/01/2018, lãi suất theo thỏa thuận. Khoản nợ mà bà T vay của ông M được chứng minh tại Giấy vay tiền ngày 12/01/2018 và Giấy hẹn trả nợ của bà T được nguyên đơn giao nộp trong quá trình khởi kiện.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà T cũng đã công nhận ngày 12/01/2018 bà T đã vay của ông M số tiền gốc 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày kể từ ngày 12/01/2018, lãi suất theo thỏa thuận. Nhưng bà T cho rằng số nợ gốc, nợ lãi của số tiền trên bà đã thanh toán đầy cho ông M thậm chí còn trả thừa cho ông M. Nhưng bà T không chứng minh được việc trả nợ của mình đối với ông M, bà chỉ trình bày bằng lời nói không được ông M thừa nhận. Ngoài ra Bà T còn chứng minh trả nợ cho ông M là bút tích ghi liệt kê số tiền bà trả tiền cho ông M tại một tờ giấy A4 để hội xét xét xử xem xét. Tuy nhiên số tiền bà T liệt kê trả được ông M thừa nhận. Do đó không thể lấy tài liệu này để kết luận bà T đã thanh toán toàn bộ

số tiền mà bà nợ của ông M.

Căn cứ vào sự thừa nhận của ông M, bà T có cơ sở để kết luận ngày 15/8/2019 bà T đã trả cho ông M 15.000.000đ tiền gốc, còn thiếu 15.000.000 đ tiền gốc. Tiền lãi của số tiền gốc 30.000.000 đ tính từ ngày vay ngày 12/01/2018 đến ngày 15/8/2019 (Ngày trả số tiền gốc 15.000.000 đ) bà T chưa trả cho ông M. Số tiền gốc còn lại 15.000.000 đ và tiền lãi của số tiền gốc này tính từ ngày 15/8/2019 cho đến ngày 15/6/2022 bà T cũng chưa thanh toán cho ông M.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu buộc bà T phải thanh toán cho ông M số tiền gốc còn lại là 15.000.000 đ, tiền lãi của số tiền gốc 30.000.000 đ với lãi suất 10% năm tính từ ngày 12/01/2018(ngày vay) đến ngày 15/8/2019 (ngày trả số tiền gốc 15.000.000 đ) và số tiền lãi của số tiền gốc 15.000.000 đ tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/6/2022 là có cơ sở.

Từ sự nhận định và phân tích đánh giá nêu trên cần buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hữu M các khoản cụ thể sau đây:

- Tiền lãi của số tiền gốc 30.000.000 đ tính từ ngày vay ngày 12/01/2018 đến ngày 15/8/2019 (19 tháng); Lãi suất 10% năm : 12 tháng x 30.000.000 đồng x 19 tháng = 4.750.000 đồng.

- Tiền gốc là 15.000.0000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền gốc 15.000.000 đ tính từ ngày 15/8/2019 cho đến ngày 15/6/2022 là 34 tháng: Lãi suất 10% năm : 12 tháng x 15.000.000 đồng x 34 tháng = 4.250.000 đồng

[3] Về án phí: Do yêu cầu của M được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Hữu M.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463; Điều 464; Điều 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Hữu M đối với bà Thái Thị T.

Buộc: Bà Thái Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Nguyễn Hữu M số tiền 24.000.000 đ (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu đồng) trong đó số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi suất 9.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền người thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về án phí: Buộc bà Thái Thị T phải nộp 1.200.000 (Một triệu, hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 600.000 đ (Sáu trăm nghìn đồng) cho Nguyễn Hữu M tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, theo biên lai nộp tiền số:00110211 ngày 04/4/2022.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS NDYT
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADSYT
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu kết quả
- Đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc